

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2026/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật,
Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong
lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật**

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chi tiết:

a) Khoản 5 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi là Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật);

b) Khoản 2 Điều 12, khoản 8 Điều 15, khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 17, khoản 7 Điều 24, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 4 Điều 29, khoản 5 Điều 36, khoản 4 Điều 37, khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 44 và khoản 4 Điều 45 Luật Trồng trọt, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 và điểm a khoản 8 Điều 15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi là Luật Trồng trọt).

2. Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT KHOẢN 5 ĐIỀU 67 CỦA LUẬT BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

1. Hồ sơ gồm:

a) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để tạm nhập, tái xuất hoặc nhập khẩu để sản xuất tại Việt Nam nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công với đối tác nước ngoài;

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu (chỉ nộp lần đầu).

b) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật để xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide và các hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS):

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, thử nghiệm, nghiên cứu:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Phiếu an toàn hóa chất của thuốc mẫu nghiên cứu, thử nghiệm;

Đề cương nghiên cứu về thuốc bảo vệ thực vật đề nghị nhập khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu).

d) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam; thuốc bảo vệ thực vật làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và sử dụng trong một số trường hợp đặc biệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Bản sao có chứng thực hợp đồng nhập khẩu;

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu trong trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam (chỉ nộp lần đầu).

đ) Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam để làm chất chuẩn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có giá trị cho toàn bộ lô hàng ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng loại thuốc, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp. Giấy phép nhập khẩu methyl bromide chỉ có hiệu lực trong năm cấp phép.

Chương III

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỒNG TRỌT

Mục 1. LĨNH VỰC GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 4. Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng và Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu

1. Điều tra, thu thập nguồn gen giống cây trồng:

a) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế đặt hàng cho tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện phù hợp điều tra, thu thập định kỳ nguồn gen giống cây trồng;

b) Nguồn gen giống cây trồng được thu thập dưới dạng hạt giống, cây giống, hom giống, củ giống hoặc vật liệu di truyền của giống cây trồng phụ thuộc vào từng loài cây trồng;

c) Kết quả điều tra, thu thập phải được tư liệu hóa mô tả rõ các thông tin có liên quan đến việc điều tra, thu thập như địa điểm, thời gian, loại mẫu vật, số lượng, hình thức thu thập.

2. Lưu giữ và xây dựng ngân hàng gen giống cây trồng:

a) Nguồn gen giống cây trồng được lưu giữ tại đơn vị được giao nhiệm vụ lưu giữ và bảo tồn tài nguyên thực vật theo đặt hàng của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

b) Tùy thuộc vào nguồn lực và điều kiện thực tế, việc lưu giữ có thể thực hiện theo một trong hai hoặc cả hai hình thức:

Lưu giữ chuyển chỗ (lưu giữ ex-situ) là lưu giữ ngoài phạm vi phát sinh của giống cây trồng trong điều kiện lạnh (trong kho lạnh, trong nitơ lạnh hoặc các hình thức bảo quản phù hợp khác khi có các công nghệ mới); hoặc trong ống nghiệm (lưu giữ in-vitro); hoặc vật liệu di truyền hoặc lưu giữ trên đồng ruộng;

Lưu giữ tại chỗ (lưu giữ in-situ) là lưu giữ ngay trong phạm vi phát sinh của giống cây trồng.

3. Đánh giá nguồn gen giống cây trồng:

a) Đánh giá nguồn gen giống cây trồng bao gồm các hoạt động giải mã gen, đánh giá chỉ tiêu nông học, sinh học và giá trị sử dụng của nguồn gen giống cây trồng;

b) Căn cứ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin về nguồn gen giống cây trồng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đặt hàng cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện giải mã gen, đánh giá chỉ tiêu nông học, sinh học và giá trị của nguồn gen giống cây trồng.

4. Thiết lập, bảo quản và chia sẻ dữ liệu về nguồn gen giống cây trồng:

a) Dữ liệu về nguồn gen giống cây trồng được tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và tổ chức, cá nhân có liên quan (người cung cấp thông tin) thiết lập phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng nguồn gen giống cây trồng;

b) Dữ liệu về nguồn gen giống cây trồng được lưu giữ dưới các hình thức phiếu điều tra, phiếu mô tả, phiếu đánh giá, tiêu bản, hình vẽ, bản đồ phân bố, ảnh, ấn phẩm thông tin, cơ sở dữ liệu dạng văn bản hoặc số hóa (bao gồm số liệu cơ bản về nguồn gen và các thông tin liên quan đến nguồn gen);

c) Dữ liệu về nguồn gen giống cây trồng được lưu giữ tại đơn vị được giao nhiệm vụ lưu giữ và bảo tồn tài nguyên thực vật;

d) Chia sẻ về dữ liệu nguồn gen giống cây trồng quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

1. Hồ sơ đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

a) Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kết quả khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cây trồng đề nghị công nhận lưu hành;

c) Kết quả khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng;

d) Quy trình canh tác của giống do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn;

đ) Bản công bố các thông tin về giống cây trồng do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

a) Văn bản đề nghị gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kết quả khảo nghiệm có kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật Trồng trọt thực hiện trong vòng 01 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng.

4. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

a) Trình tự, thủ tục cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định hồ sơ, cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giống cây trồng được phép lưu hành, kể từ ngày ký Quyết định công nhận lưu hành.

b) Trình tự, thủ tục cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trình tự, thủ tục gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Trong thời hạn 06 tháng trước khi Quyết định công nhận lưu hành hết hiệu lực, tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Quyết định gia hạn công nhận lưu hành giống

cây trồng theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không gia hạn, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không nộp hồ sơ đăng ký gia hạn theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều này.

5. Đình chỉ hiệu lực Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

Khi tiếp nhận thông tin về giống cây trồng quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Trồng trọt, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm tra thông tin và ban hành Quyết định đình chỉ lưu hành giống cây trồng khi có đủ bằng chứng vi phạm; đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

6. Phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

Giống cây trồng sau khi khắc phục được các vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật Trồng trọt và được tổ chức khảo nghiệm xác nhận, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định và thông báo việc phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng; đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; trường hợp không phục hồi hiệu lực, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin vi phạm quy định tại điểm a, d, đ khoản 7 Điều 15 của Luật Trồng trọt, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định thông tin và ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

b) Trường hợp tiếp nhận thông tin quy định tại điểm b khoản 7 Điều 15 của Luật Trồng trọt, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm tra thông

tin và ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng khi có đủ bằng chứng vi phạm; đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng

1. Hồ sơ đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng:

a) Văn bản đề nghị công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 15 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản mô tả đặc tính của giống và hiện trạng sử dụng theo Mẫu số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Biên bản nộp mẫu lưu.

2. Trình tự, thủ tục cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trình tự, thủ tục hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận thông tin vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 15 của Luật Trồng trọt, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định thông tin và ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng theo Mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; đăng tải Quyết định trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công bố lưu hành giống cây trồng

1. Hồ sơ tự công bố lưu hành giống cây trồng gồm:

a) Bản tự công bố lưu hành giống cây trồng theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quy trình canh tác của giống do tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng biên soạn.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Trường hợp không thực hiện đăng tải, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Tổ chức, cá nhân được sản xuất, kinh doanh giống cây trồng sau khi thông tin được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp, đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính

1. Hồ sơ cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự, thủ tục cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm

việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Hội đồng có tối thiểu 05 thành viên là đại diện các nhà khoa học, cơ quan quản lý và cơ quan chuyên môn liên quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng tại địa điểm có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng;

c) Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 23, Mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trình tự, thủ tục đình chỉ Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

a) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thành lập đoàn kiểm tra tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng;

b) Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng không đảm bảo chất lượng theo quy định tại tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính ban hành, đoàn kiểm tra lập biên bản kết quả kiểm tra;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản kiểm tra, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ban hành Quyết định đình chỉ Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

4. Trình tự, thủ tục phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

a) Khi cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng khôi phục được chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ban hành Quyết định phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn tối đa 01 năm, kể từ thời điểm ban hành Quyết định đình chỉ, tổ chức, cá nhân không phục hồi được chất lượng cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đã cấp.

Điều 9. Ghi nhãn và quảng cáo giống cây trồng

1. Ghi nhãn giống cây trồng thực hiện theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và bao gồm các nội dung sau:

a) Tên giống cây trồng;

b) Cấp giống theo quy định tại tiêu chuẩn quốc gia. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở;

c) Đặc tính của giống bao gồm: Chỉ tiêu bắt buộc gồm chỉ tiêu nêu trong tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở về giá trị canh tác, giá trị sử dụng; chỉ tiêu chất lượng vật liệu nhân giống theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở phù hợp quy định tại Điều 25 của Luật Trồng trọt. Trường hợp sử dụng tiêu chuẩn cơ sở khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phải có đủ thông tin về các chỉ tiêu quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; chỉ tiêu tự nguyện khác về giống cây trồng (nếu có);

d) Hướng dẫn bảo quản và sử dụng: Ghi rõ điều kiện bảo quản; phạm vi sử dụng của giống về thời vụ, vùng địa lý, tóm tắt quy trình trồng và chăm sóc (khi có yêu cầu đặc biệt) phù hợp với thông tin trong hồ sơ cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng;

đ) Thông tin cảnh báo an toàn (nếu có);

e) Định lượng giống cây trồng (khối lượng giống hoặc số lượng cây, bầu, hom giống);

g) Ngày sản xuất, ngày hết hạn sử dụng; ngày sản xuất cây ghép là ngày ghép; ngày sản xuất cành giống, hom giống là ngày cắt cành giống, hom giống; ngày sản xuất hạt giống, củ giống là ngày thu hoạch; ngày sản xuất của cây giống nhân theo phương pháp nuôi cấy mô là ngày chuyển từ ống nghiệm ra vườn ươm;

h) Tên và địa chỉ của tổ chức sản xuất, nhập khẩu giống cây trồng;

i) Mã số lưu hành giống cây trồng đối với giống cây trồng được cấp quyết định lưu hành, gia hạn quyết định lưu hành;

k) Xuất xứ giống cây trồng: Ghi cụm từ “sản xuất tại” kèm tên nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất với giống cây trồng nhập khẩu;

l) Mã hiệu lô giống đối với cây hằng năm hoặc mã hiệu nguồn giống đối với cây lâu năm phù hợp với hồ sơ truy xuất nguồn gốc giống cây trồng, mã hiệu lô giống, mã hiệu nguồn giống thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

m) Thông tin về cây trồng biến đổi gen đối với vật liệu nhân giống của giống cây trồng biến đổi gen.

2. Quảng cáo giống cây trồng

a) Giống cây trồng có Quyết định công nhận lưu hành, Quyết định công nhận lưu hành đặc cách, giống cây trồng tự công bố lưu hành tại Việt Nam được quảng cáo theo quy định của pháp luật quảng cáo;

b) Nội dung quảng cáo giống cây trồng phải theo đúng nội dung trong Quyết định công nhận lưu hành, Quyết định công nhận lưu hành đặc cách, bản công bố các thông tin về giống cây trồng tự công bố lưu hành.

3. Trường hợp giống cây trồng nhập khẩu với mục đích triển lãm, hội chợ thì thực hiện quảng cáo theo nội dung Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại

1. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi xuất khẩu lần đầu) theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật đối với trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế;

d) Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)

1. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi nhập khẩu lần đầu) theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm;

d) Giấy chứng nhận an toàn sinh học, Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

MỤC 2. LĨNH VỰC PHÂN BÓN

Điều 12. Phân loại phân bón

1. Nhóm phân bón hóa học (còn gọi là phân bón vô cơ) gồm các loại phân bón được sản xuất từ nguyên liệu chính là các chất vô cơ hoặc hữu cơ tổng hợp, được xử lý qua quá trình hóa học hoặc chế biến khoáng sản và tùy theo thành phần, hàm lượng hoặc chức năng của chỉ tiêu chất lượng chính đối với cây trồng hoặc liên kết hóa học của các nguyên tố dinh dưỡng trong phân bón được phân loại chi tiết trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Nhóm phân bón hữu cơ gồm các loại phân bón được sản xuất từ nguyên liệu chính là các chất hữu cơ tự nhiên (không bao gồm các chất hữu cơ tổng hợp), được xử lý thông qua quá trình vật lý (làm khô, nghiền, sàng, phối trộn, làm ẩm) hoặc sinh học (ủ, lên men, chiết) và tùy theo thành phần, chức năng của các chỉ tiêu chất lượng chính hoặc quá trình sản xuất được phân loại chi tiết trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

3. Nhóm phân bón sinh học gồm các loại phân bón được sản xuất thông qua quá trình sinh học hoặc có nguồn gốc tự nhiên, trong thành phần có chứa một hoặc nhiều chất sinh học như axit humic, axit fulvic, axit amin, vitamin hoặc các chất sinh học khác và tùy theo thành phần hoặc chức năng của chỉ tiêu chất lượng chính trong phân bón được phân loại chi tiết trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

4. Phân bón rễ là loại phân bón thuộc một trong các nhóm phân bón quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này sử dụng để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng thông qua bộ rễ hoặc có tác dụng cải tạo đất.

5. Phân bón lá là loại phân bón thuộc một trong các nhóm phân bón quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này sử dụng để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng thông qua thân, lá.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản thông tin chung về phân bón có xác nhận của nhà sản xuất bao gồm: loại phân bón; tên phân bón; dạng phân bón; hướng dẫn sử dụng; phương thức sử dụng; thời hạn sử dụng; cảnh báo an toàn; chỉ tiêu chất lượng, hàm lượng yếu tố hạn chế trong phân bón kèm theo phiếu kết quả thử nghiệm;

c) Bản chính báo cáo kết quả khảo nghiệm phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón (trừ các loại phân bón quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt);

d) Giấy chứng nhận lưu hành tự do của nước xuất khẩu cấp (đối với phân bón nhập khẩu quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

Trường hợp hồ sơ là bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì ban hành Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Quyết định công nhận) theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn của Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam là 05 năm. Trước khi hết thời gian lưu hành 03 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu

gia hạn phải thực hiện gia hạn theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

Điều 14. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp lại Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Quyết định công nhận theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về sở hữu trí tuệ hoặc của tòa án về việc vi phạm nhãn hiệu hàng hóa (trường hợp thay đổi tên phân bón);

c) Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng hoặc thỏa thuận chuyển nhượng phân bón (trường hợp chuyển nhượng phân bón trong Quyết định công nhận).

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì ban hành Quyết định công nhận theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn của Quyết định công nhận cấp lại theo thời hạn của Quyết định đã cấp.

Điều 15. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Quyết định công nhận theo Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón theo Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì gia hạn Quyết định công nhận theo Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không gia hạn, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 16. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

1. Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Luật Trồng trọt, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp, thẩm định thông tin. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận về phân bón có nguy cơ cao gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, môi trường, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận.

2. Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Trồng trọt, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kết luận về việc sử dụng tài liệu giả hoặc cung cấp thông tin trong tài liệu không đúng với phân bón đã được công nhận lưu hành, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận.

3. Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận gồm các nội dung sau:

- a) Tên phân bón - Mã số phân bón;
- b) Tên tổ chức, cá nhân có phân bón;
- c) Nguyên nhân phải hủy bỏ phân bón bao gồm cơ sở pháp lý hoặc cơ sở khoa học;
- d) Hiệu lực của quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận.

4. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đăng tải Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam trên Trang thông tin điện tử của Cục trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón

1. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 34 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Văn bản của nhà sản xuất về chỉ tiêu chất lượng, hướng dẫn sử dụng,

cảnh báo an toàn và yếu tố hạn chế trong phân bón;

d) Giấy chứng nhận lưu hành tự do của nước xuất khẩu cấp (Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt);

đ) Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam (Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt);

e) Đề cương nghiên cứu về phân bón đề nghị nhập khẩu (Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt);

Trường hợp hồ sơ là bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 18. Nội dung, thời gian tập huấn và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận lấy mẫu phân bón

1. Nội dung tập huấn gồm:

- a) Các quy định của pháp luật hiện hành về phân bón;
- b) Phương pháp lấy mẫu phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia;
- c) Thực hành lấy mẫu phân bón.

2. Thời gian tập huấn: 05 ngày.

Căn cứ kết quả kiểm tra sau khi tập huấn, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận lấy mẫu phân bón theo Mẫu số 36 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tập huấn lấy mẫu phân bón đăng ký trực tiếp

hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

4. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xây dựng chương trình, biên soạn bộ tài liệu tập huấn lấy mẫu phân bón; chủ trì, phối hợp với các trường, viện tổ chức tập huấn và cấp Giấy chứng nhận lấy mẫu phân bón.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ THÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi, nguồn gen cây trồng; nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật và nhập khẩu vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể trong Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải phân tích nguy cơ dịch hại trước khi nhập khẩu vào Việt Nam

1. Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu có giá trị cho toàn bộ lô vật thể ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng mặt hàng nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp.”.

2. Bãi bỏ Điều 8; Mẫu số 01/BVTV, Mẫu số 02/BVTV, Mẫu số 03/BVTV Phụ lục IV.

3. Thay thế Mẫu số 04/BVTV, Mẫu số 05/BVTV Phụ lục IV bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b) Giấy tờ chứng minh tổ chức, cá nhân được đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam:

Bản chính hoặc bản sao chứng thực văn bản xác nhận là nhà sản xuất trong đó có thuốc bảo vệ thực vật đề nghị cấp giấy phép khảo nghiệm do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp (đối với nhà sản xuất nước ngoài).

Bản chính giấy ủy quyền của nhà sản xuất cho tổ chức, cá nhân đăng ký (trường hợp ủy quyền đứng tên đăng ký). Giấy ủy quyền của nhà sản xuất nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.”

2. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, phụ lục sau đây:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 11; điểm b khoản 2 Điều 13; Điều 15; điểm d khoản 2 Điều 16; Điều 21; khoản 2 Điều 23; Điều 30; Điều 31; Điều 35; Điều 36; khoản 5, Điều 60; Điều 61; Điều 62; điểm c khoản 3 Điều 80; điểm c khoản 1 Điều 82; khoản 4 Điều 82;

b) Bãi bỏ Phụ lục IX, Phụ lục X, Phụ lục XI, Phụ lục XIV, Phụ lục XV, Phụ lục XVI, Phụ lục XVII, Phụ lục XVIII, Phụ lục XIX, Phụ lục XX, Phụ lục XXI, Phụ lục XXXIV, Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư.

3. Bãi bỏ một số cụm từ sau đây:

a) Bỏ cụm từ “trừ trường hợp bị mất” tại điểm b khoản 2 Điều 12;

b) Bỏ cụm từ “và báo cáo tổng hợp kết quả khảo nghiệm”, cụm từ “và Phụ lục XI” tại điểm d khoản 2 Điều 13.

4. Thay thế một số cụm từ sau đây:

a) Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” bằng cụm từ “08 ngày làm việc”; “15 ngày làm việc” bằng cụm từ “11 ngày làm việc” tại điểm a khoản 3 Điều 10;

b) Thay thế cụm từ “05 ngày làm việc” bằng cụm từ “03 ngày làm việc” tại khoản 3 Điều 12;

c) Thay thế cụm từ “06 tháng” bằng cụm từ “04 tháng” tại khoản 3 Điều 13;

d) Thay thế cụm từ “10 ngày làm việc” bằng cụm từ “08 ngày làm việc” tại khoản 4 Điều 14;

đ) Thay thế cụm từ “02 ngày làm việc” bằng cụm từ “01 ngày làm việc” tại điểm a khoản 3 Điều 44.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

1. Bãi bỏ điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 1; Điều 4, Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 25; khoản 2 và khoản 3 Điều 26.

2. Bãi bỏ Mẫu số 01; Mẫu số 02; Mẫu số 03; Mẫu số 04; Mẫu số 05; Mẫu số 06; Mẫu số 07; Mẫu số 08; Mẫu số 09; Mẫu số 10; Mẫu số 11; Mẫu số 12; Mẫu số 13; Mẫu số 14; Mẫu số 15; Mẫu số 16; Mẫu số 17; Mẫu số 18; Mẫu số 19; Mẫu số 20; Mẫu số 21; Mẫu số 22; Mẫu số 23; Mẫu số 25; Mẫu số 26; Mẫu số 27; Mẫu số 28; Mẫu số 29; Mẫu số 30; Mẫu số 31; Mẫu số 32; Mẫu số 33; Mẫu số 34; Mẫu số 35; Mẫu số 36; Mẫu số 37; Mẫu số 38; Mẫu số 42; Mẫu số 43 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Bỏ câu “Trường hợp cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất).” tại khoản 3 Điều 3.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 15/2021/TT-BNNPTNT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9.

2. Bãi bỏ Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII.

3. Bỏ cụm từ “và cấp Thẻ hành nghề” tại khoản 2 Điều 10.

4. Thay thế cụm từ “Chi cục bảo vệ thực vật” bằng cụm từ “cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật” tại khoản 1 Điều 11.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để xem xét và kịp thời giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Trung

PHỤ LỤC I**DANH MỤC NGUỒN GEN GIỐNG CÂY TRỒNG CẨM XUẤT KHẨU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. NGUỒN GEN GIỐNG CÂY LƯƠNG THỰC

- Nguồn gen các giống lúa: Nếp Cẩm, nếp cái Hoa vàng, nếp Tú Lệ, lúa Tám, Dự hương, Nàng thơm Chợ đào.

- Dòng bố, mẹ của các tổ hợp lúa lai.

- Dòng bố, mẹ của các tổ hợp ngô lai.

II. NGUỒN GEN GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ CÂY ĂN QUẢ (TRỪ HẠT TRONG QUẢ XUẤT KHẨU)

1. Nguồn gen giống chè: Các giống chè Shan bản địa.

2. Nguồn gen giống cam: Cam Bù, cam Bồ Hạ, cam Xã Đoài, cam Đường Canh.

3. Nguồn gen giống bưởi: Bưởi Năm roi, Thanh Trà, Phúc Trạch, Đoan Hùng, Phú Diễn, Da xanh.

4. Nguồn gen giống nhãn: Nhãn lồng Hưng Yên, nhãn tiêu Da bò, nhãn Xuồng com vàng.

5. Nguồn gen giống vải thiều: Vải thiều Thanh Hà, vải thiều Hùng Long.

6. Nguồn gen giống xoài: Xoài cát Hòa Lộc, xoài Cát Chu.

7. Nguồn gen giống mơ: Mơ Hương Tích.

8. Nguồn gen giống thanh long: Các giống thanh long bản địa.

9. Nguồn gen giống sầu riêng: Sầu riêng Chín hóa, sầu riêng Ri-6.

10. Sâm Ngọc Linh.

PHỤ LỤC II**BIỂU MẪU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu
Mẫu số 02	Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide
Mẫu số 05	Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 07	Bản công bố các thông tin về giống cây trồng
Mẫu số 08	Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 09	Văn bản đề nghị gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 10	Văn bản đề nghị phục hồi Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 11	Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 12	Quyết định cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 13	Quyết định gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 14	Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 15	Văn bản đề nghị công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng
Mẫu số 16	Bản mô tả đặc tính của giống cây trồng và hiện trạng sử dụng giống cây trồng
Mẫu số 17	Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng
Mẫu số 18	Quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng
Mẫu số 19	Bản tự công bố lưu hành giống cây trồng
Mẫu số 20	Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng
Mẫu số 21	Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng
Mẫu số 22	Báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng

Mẫu số 23	Quyết định công nhận cây đầu dòng
Mẫu số 24	Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng
Mẫu số 25	Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng
Mẫu số 26	Tờ khai kỹ thuật
Mẫu số 27	Giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng
Mẫu số 28	Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng
Mẫu số 29	Tờ khai kỹ thuật
Mẫu số 30	Đơn đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 31	Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón
Mẫu số 32	Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 33	Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón
Mẫu số 34	Tờ khai kỹ thuật
Mẫu số 35	Giấy phép nhập khẩu phân bón
Mẫu số 36	Giấy chứng nhận lấy mẫu phân bón

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Số:

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Tổ chức, cá nhân:

2. Địa chỉ: Điện thoại:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số⁽¹⁾: ngày nơi cấp:

4. Tổ chức/cá nhân xuất khẩu:

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu cho lô vật thể dưới đây của cơ quan chúng tôi:

Tên vật thể:

Tên khoa học:

Khối lượng, đơn vị tính:

Hoặc Số lượng, đơn vị tính:

Phương thức đóng gói:

Vùng sản xuất:

Nước xuất khẩu:

Nước nhập khẩu⁽²⁾:

Phương tiện vận chuyển:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất⁽²⁾:

Địa điểm sử dụng:

Thời gian lô vật thể nhập khẩu:

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện cơ quan*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

⁽¹⁾ Áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp

⁽²⁾ Chỉ ghi khi đề nghị cấp giấy phép đối với lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quá cảnh

⁽¹⁾ Chỉ ghi khi cấp giấy phép đối với lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quá cảnh

3/ Những vật thể trên:

Chỉ được phép đưa vào qua các cửa khẩu sau đây:

Quá cảnh qua cửa khẩu⁽¹⁾:.....

Phải được hoàn tất thủ tục KDTV tại:

4/ Lộ trình vận chuyển:

5/ Địa điểm sử dụng:

6/ Khi tới nơi qui định, chủ vật thể trên phải thực hiện những nội dung sau đây:

Khai báo với cơ quan chuyên ngành về Bảo vệ thực vật/kiểm dịch thực vật các tỉnh, thành phố địa điểm gieo trồng để tiếp tục theo dõi tình trạng sinh vật gây hại;

Khai báo với Trung tâm KDTV sau nhập khẩu.....

Chỉ được đưa ra sản xuất sau khi có kết luận của cơ quan KDTV.....

Yêu cầu KDTV khác:

7/ Giấy phép này có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm.....

Hà Nội, ngày tháng năm

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú :

1. Trường hợp cấp bằng bản giấy, Giấy phép KDTV nhập khẩu này được lập thành 3 bản:

- Một bản do tổ chức, cá nhân nhập khẩu giữ;
- Một bản lưu tại cơ quan KDTV của địa bàn có cửa khẩu mà hàng thực vật nhập vào;
- Một bản lưu tại Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

2. Cơ quan KDTV nơi nhận phải tiến hành thống kê nghiêm ngặt những Giấy phép KDTV nhập khẩu nhận được.

3. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến Giấy phép này.

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số:

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: E-mail:
4. Mã số doanh nghiệp/ Căn cước công dân:
5. Số Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật¹: ngày cấp

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cho chúng tôi như sau:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	Thuốc BVTV kỹ thuật				
1.					
2.					
	Cộng				
II.	Thuốc BVTV thành phẩm				
1.					
2.					
	Cộng				
III.	Methyl bromide				
1					
2					
	Cộng				
Tổng cộng (viết bằng chữ)					

Mục đích nhập khẩu:

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký
<input type="checkbox"/> Sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với nước ngoài
<input type="checkbox"/> Làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ | <input type="checkbox"/> Thử nghiệm
<input type="checkbox"/> Nghiên cứu
<input type="checkbox"/> Sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam
<input type="checkbox"/> Xông hơi khử trùng |
|---|---|

¹ Đối với trường hợp cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật để khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.

Tạm nhập, tái xuất Chất chuẩn Trường hợp khác (*ghi cụ thể*)

Thời gian nhập khẩu:

Địa điểm nhập khẩu:

Địa điểm, thời gian, đối tượng sử dụng (*với thuốc có độ độc cấp tính nhóm I, II*)

Địa điểm, thời gian, mục đích, đối tượng nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm.

Chúng tôi xin cam đoan các loại thuốc nhập khẩu được sử dụng đúng mục đích nêu trên.

....., ngày ... tháng năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ*(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)*

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU, SỬ DỤNG VÀ MUA BÁN
METHYL BROMIDE

(6 tháng đầu năm 20.../hoặc năm 20...)

Kính gửi:

I. Tổng quát tình hình nhập khẩu/sử dụng methyl bromide:

1. Khối lượng methyl bromide tồn đầu của kỳ báo cáo :kg.
2. Khối lượng methyl bromide nhập khẩu trong kỳ báo cáo

STT	MB được cấp phép nhập khẩu		Khối lượng MB nhập khẩu thực tế (kg)	Khối lượng MB sử dụng (kg)	Khối lượng MB đã bán (kg)		Ghi chú
	Số giấy phép	Khối lượng MB (kg)			Tên tổ chức mua MB	Khối lượng MB đã bán (kg)	
		Tổng	Tổng	Tổng		Tổng	

3. Lượng methyl bromide tồn cuối của kỳ báo cáo :kg.

II. Chi tiết sử dụng methyl bromide:

Khử trùng nông sản xuất khẩu			Thực hiện TCQT số 15		Khử trùng hàng nhập khẩu			Các ứng dụng khác			
Loại nông sản	Khối lượng nông sản (tấn)	Khối lượng MB (kg)	Thể tích (m ³)	Khối lượng MB (kg)	Loại hàng hóa	Khối lượng hàng được xử lý (tấn)	Lý do xử lý	Khối lượng MB (kg)	Tên ứng dụng	Khối lượng được xử lý (tấn)	Khối lượng MB (kg)
	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng		Tổng		Tổng		Tổng	Tổng
Tổng lượng MB sử dụng (kg)											

Ghi chú: Thời hạn báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN (1)CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GPNKT- , ngày..... tháng..... năm

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-.... ngày ... tháng ... năm quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Căn cứ Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (2);

..... (1) đồng ý để(2) nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật với khối lượng sau đây:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	Thuốc BVTV kỹ thuật				
1.					
	Cộng				
II.	Thuốc BVTV thành phẩm				
1.					
	Cộng				
III.	Methyl bromide				
1					
	Cộng				
Tổng cộng (viết bằng chữ)					

Mục đích nhập khẩu :

Thời gian nhập khẩu: từ ngày ký đến.....

Địa điểm nhập khẩu:

Ghi chú:

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp nhập khẩu methyl bromide, nội dung ghi trong giấy phép như sau:

+ Mục đích nhập khẩu: Sử dụng cho mục đích khử trùng và kiểm dịch hàng xuất khẩu.

+ Lượng methyl bromide trên phải được sử dụng đúng mục đích theo giấy phép này và chỉ được bán cho các tổ chức có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

- Không được nhập khẩu methyl bromide nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: báo cáo không trung thực về tình hình nhập khẩu, sử dụng, mua bán methyl bromide; Sử dụng sai mục đích được cấp phép; tổ chức bị thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu

Mẫu số 06

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Tên giống cây trồng đề nghị cấp Quyết định công nhận lưu hành:

3. Tên loài cây:

4. Bảo hộ giống cây trồng mới:

Có Không

5. Vùng sinh thái đề nghị công nhận lưu hành:

6. Nguồn gốc giống:

Giống nhập nội Giống chọn tạo trong nước

7. Phương pháp chọn tạo:

Công thức lai (tên, nguồn gốc dòng/giống bố mẹ kể cả dòng phục hồi, dòng duy trì, ...):
.....

Xử lý đột biến (ghi tên giống, nguồn gốc giống dùng để xử lý đột biến):

Phương pháp khác:

8. Phương pháp nhân giống (hữu tính/vô tính).....

9. Vị trí hành chính và địa lý (thôn, xã, tỉnh, tọa độ địa lý) lưu giữ mẫu giống cây
trồng (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự lưu mẫu):

10. Văn bản kèm theo (nếu có):

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các văn
bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN CÔNG BỐ CÁC THÔNG TIN VỀ GIỐNG CÂY TRỒNG

Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký công nhận lưu hành/tự công bố lưu hành:

.....

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng:

2. Thông tin về giống cây trồng (nêu rõ thông tin về các chỉ tiêu quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 của Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn cơ sở khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải công bố tối thiểu các thông tin về năng suất, các chỉ tiêu chất lượng chính, mức độ chống chịu với các loài sâu, bệnh chủ yếu, thời gian sinh trưởng, thời vụ gieo trồng, phạm vi địa lý, các chỉ tiêu về chất lượng vật liệu nhân giống tương tự các nhóm cây trồng tương ứng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia như quy chuẩn đối với hạt giống của cây ngũ cốc hoặc cây rau màu, cây giống, hom giống, cành giống v.v...)

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin nêu trên./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:; E-mail
2. Tên giống cây trồng đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành:
3. Mã số lưu hành của giống cây trồng:
4. Số quyết định công nhận lưu hành đã cấp: ngày ... tháng ... năm
5. Lý do đề nghị cấp lại Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng và văn bản chứng minh trong trường hợp thay đổi thông tin ghi trong Quyết định:

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản kèm theo trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 09

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:.....
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:E-mail:
2. Tên giống cây trồng đề nghị gia hạn lưu hành
3. Mã số lưu hành của giống cây trồng (nếu có):
4. Số quyết định công nhận lưu hành/Số quyết định công nhận giống cây trồng mới đã cấp:.....ngày ... tháng ... năm

Đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật gia hạn Quyết định công nhận lưu hành số..... ngày.....tháng...năm.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 10

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHỤC HỒI QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: E-mail:
2. Tên giống cây trồng đề nghị phục hồi quyết định công nhận lưu hành
- Mã số lưu hành của giống cây trồng:
- Đã bị đình chỉ tại Quyết định số..... ngày.....tháng..... năm...

Đến nay chúng tôi đã thực hiện việc khắc phục được các vấn đề nêu trong Quyết định đình chỉ và đề nghị Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phục hồi Quyết định công nhận lưu hành số ngày tháng.....năm.....

Chúng tôi xin gửi kèm hồ sơ theo quy định bao gồm:

- Báo cáo quá trình khắc phục và Kết quả khảo nghiệm chứng minh đã khắc phục được các vi phạm tại khoản 5 Điều 15 của Luật Trồng trọt và được tổ chức khảo nghiệm xác nhận.

Chúng tôi cam đoan chịu trách nhiệm tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 11

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTV-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng****CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ đề nghị của (tổ chức, cá nhân) ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công nhận lưu hành giống cây trồng

Mã số lưu hành:

Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Phạm vi lưu hành:

Thời gian lưu hành: năm kể từ ngày ký Quyết định.

Thông tin về giống cây trồng theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp lại Quyết định công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được cấp lại Quyết định công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 13

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTV -...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng****CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày...tháng...năm...của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc công nhận lưu hành giống cây trồng/công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới;

Căn cứ đề nghị của (tổ chức, cá nhân) ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Mã số lưu hành:

Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Phạm vi lưu hành:

Thời gian lưu hành: Từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng...năm...

Thông tin về giống cây trồng theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được gia hạn Quyết định công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được gia hạn Quyết định lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 14

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTV-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng****CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày...tháng...năm...của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả xác minh và đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng:

Mã số lưu hành:

Tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Phạm vi lưu hành:

Thời gian hủy bỏ Quyết định kể từ ngày ... tháng ... năm ...;

Lý do hủy bỏ:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng bị hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

- ...;

- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN LƯU HÀNH ĐẶC CÁCH
GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1. Tên cơ quan đề nghị:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: E-mail:
2. Tên giống cây trồng đề nghị công nhận lưu hành đặc cách:
3. Tên loài cây:
4. Nguồn gốc của giống:
5. Tổ chức, cá nhân lưu mẫu giống cây trồng:
6. Vị trí hành chính và địa lý (thôn, xã, tỉnh, tọa độ địa lý) lưu giữ mẫu giống cây trồng (trường hợp tổ chức, cá nhân tự lưu mẫu):
7. Văn bản gửi kèm (nếu có):

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin và văn bản gửi kèm trong hồ sơ./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 16

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN MÔ TẢ ĐẶC TÍNH CỦA GIỐNG CÂY TRỒNG VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG

Tên cơ quan/đơn vị:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Mô tả đặc tính của giống cây trồng và hiện trạng sử dụng giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Thông tin về giống cây trồng

- Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:

- Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

- Tên cơ quan tác giả, tác giả (nếu có):

2. Đặc điểm thực vật học chủ yếu: Mô tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...)

- Thân:

- Lá:

- Rễ:

- Củ:

- Hoa:

- Quả:

- Hạt:

3. Giá trị sử dụng

 Làm lương thực, thực phẩm Làm dược liệu Thức ăn chăn nuôi Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến Cải tạo môi trường Các giá trị khác (ghi rõ)

4. Kỹ thuật gieo trồng

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...)
- Thời vụ trồng:
- Mật độ, lượng giống/ha:
- Sâu bệnh hại chính:

5. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

6. Hiện trạng sử dụng

- Diện tích sản xuất trong 03 năm gần nhất:
- Quy mô, địa điểm sản xuất
- Một số đặc điểm nổi trội của giống (năng suất, chất lượng, tính chống chịu...):
.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin về đặc tính của giống và hiện trạng sử dụng giống cây trồng nêu trên./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 17

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTV-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng****CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày...tháng...năm...của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ đề nghị của ... tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng:

Mã số lưu hành đặc cách:

Tổ chức đăng ký lưu hành đặc cách:

Thông tin về giống cây trồng theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

Điều 2. Tổ chức có giống cây trồng được công nhận lưu hành đặc cách và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức có giống cây trồng được công nhận lưu hành đặc cách, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 18

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTTV-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật về việc công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng;

Căn cứ kết quả xác minh và đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành đặc cách giống cây trồng:

Mã số lưu hành đặc cách:

Tổ chức đăng ký lưu hành đặc cách:

Thời gian hủy bỏ Quyết định kể từ ngày tháng năm.....;

Lý do hủy bỏ:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức có giống cây trồng bị hủy bỏ quyết định lưu hành đặc cách, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;

- ...;

- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 19

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN TỰ CÔNG BỐ LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG

Tên tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng:.....

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:

1. Tên giống cây trồng tự công bố lưu hành:.....

- Tên loài (tên tiếng Việt và tên khoa học):

2. Phạm vi lưu hành của giống cây trồng:

3. Thời gian bắt đầu lưu hành giống cây trồng: Từ ngày đăng trên trang thông tin điện tử của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

4. Thông tin về giống cây trồng (nêu rõ thông tin về các chỉ tiêu quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 của Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật. Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn cơ sở khi chưa có tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải công bố tối thiểu các thông tin về năng suất, các chỉ tiêu chất lượng chính, mức độ chống chịu với các loài sâu bệnh chủ yếu, thời gian sinh trưởng, thời vụ gieo trồng, và các chỉ tiêu về chất lượng vật liệu nhân giống tương tự các nhóm cây tương ứng đã có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia như quy chuẩn đối với hạt giống của cây ngũ cốc hoặc cây rau màu, cây giống, hom giống, cành giống vv...). Trong đó nêu rõ giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì áp dụng tiêu chuẩn cơ sở (nêu rõ số hiệu Tiêu chuẩn áp dụng và tự đánh giá mức độ đáp ứng so với tiêu chuẩn áp dụng.)

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong các văn bản kèm theo hồ sơ tự công bố lưu hành giống cây trồng./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ
LƯU HÀNH GIỐNG CÂY TRỒNG
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 20

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
 CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP,
 CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:
 - Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
 2. Địa chỉ:
 - Điện thoại.....E-mail
 3. Tên loài cây:.....
 4. Tên giống cây:
 5. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng
 Thôn..... xã..... tỉnh/thành phố:
 6. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:
 - Năm trồng:
 - Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác):
 - Tình hình sinh trưởng (chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng):
 - Năng suất, chất lượng của giống (nêu những chỉ tiêu chủ yếu):
- Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:
- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):
 - Diện tích vườn (m²):
 - Khoảng cách trồng (m x m):

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định, công nhận theo đúng quy định./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 22

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm**

1. Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

2. Địa chỉ:

Điện thoại.....E-mail

3. Tên loài cây:

4. Tên giống cây:

5. Vị trí hành chính và địa lý của vườn cây đầu dòng:

Thôn xã tỉnh/thành phố:

Tọa độ địa lý:

Họ tên chủ hộ có vườn cây đầu dòng:

6. Thời gian, chỉ tiêu và phương pháp thiết lập, tên tiêu chuẩn chất lượng vườn cây đầu dòng (kèm bản photocopy Quyết định công bố đối với tiêu chuẩn cơ sở).

7. Thông tin về vườn cây đầu dòng (đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể, so sánh với tiêu chuẩn chất lượng vườn cây đầu dòng)

- Năm trồng:

- Nguồn gốc xuất xứ:

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây chiết cành,...):

- Mật độ, khoảng cách trồng:

- Quy mô diện tích, số lượng cây:

- Quy trình kỹ thuật chăm sóc đang áp dụng:

- Tính đúng giống:

- Tình hình sinh trưởng:

- Tình hình sâu bệnh hại:

- Năng suất, chất lượng và chỉ tiêu khác (nếu có):

- Đề xuất số lượng vật liệu nhân giống khai thác tối đa/năm sau khi được công nhận vườn cây đầu dòng.

- Không nhiễm bệnh Greening, Tristeza (đối với vườn cây đầu dòng cây có múi).

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 23

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....(1) - (2)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận cây đầu dòng

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ (3).....;

Căn cứ (4).....;

Căn cứ Biên bản họp ngày ... tháng ... năm 20... của Hội đồng thẩm định cây đầu dòng;

Xét đề nghị của(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận cây đầu dòng ... (6) (trường hợp có nhiều cây đầu dòng được công nhận: (7).....

Mã hiệu cây đầu dòng: (8).....;

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng:

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng
Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Luật Trồng trọt và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều;
-;
- Lưu: VT, ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú:

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan thực hiện công nhận cây đầu dòng.
- (3) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).
- (4) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.
- (5) Chức vụ của lãnh đạo cơ quan thực hiện công nhận cây đầu dòng.
- (6) Ghi rõ tên của loài, giống cây đầu dòng được công nhận (ví dụ: xoài cát Hòa Lộc).
- (7) Danh sách cây đầu dòng được công nhận.
- (8) Ghi mã hiệu cây đầu dòng như tại Giấy công nhận.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP,
CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM***(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...)**Tên cơ quan có thẩm quyền..... công nhận:*

Mã hiệu nguồn giống	Cây thứ 1: Cây thứ 2: Cây thứ 3:
Loài cây	1. Tên khoa học: 2. Tên Việt Nam: 3. Tên xuất xứ (nếu có):
Địa chỉ nguồn giống	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/E-mail (nếu có)	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:
Tuổi cây (năm)	Cây thứ 1: Cây thứ 2: Cây thứ 3:
Tổng mức vật liệu nhân giống tối đa cho phép khai thác/năm (loại vật liệu/đơn vị tính/số lượng)	Năm..... Năm..... Năm.....

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN***(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)*

Mẫu số 24

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ -... (1)-(2)....

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận vườn cây đầu dòng****LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số.../2026/TT-BNNMT ngày...tháng...năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ (3)

Căn cứ (4)

Căn cứ Biên bản họp ngày ...tháng... năm 20... của Hội đồng thẩm định vườn cây đầu dòng;

Xét đề nghị của (5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận vườn cây đầu dòng (6) (trường hợp có nhiều vườn cây đầu dòng được công nhận: (7).

Mã hiệu vườn cây đầu dòng: (8);

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng: ...

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Luật Trồng trọt và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan; tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều;

- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú:

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan thực hiện công nhận vườn cây đầu dòng.

(3) Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức).

(4) Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định.

(5) Chức vụ của lãnh đạo cơ quan thực hiện công nhận vườn cây đầu dòng.

(6) Ghi rõ tên của loài, giống cây đầu dòng được công nhận (ví dụ: xoài cát Hòa Lộc).

(7) Danh sách vườn cây đầu dòng được công nhận.

(8) Ghi mã hiệu vườn cây đầu dòng như tại Giấy công nhận.

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CÔNG NHẬN VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG
CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU NĂM***(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...)**Tên cơ quan có thẩm quyền tỉnh/thành phố... công nhận:*

Mã hiệu nguồn giống	
Loài cây	1. Tên khoa học: 2. Tên Việt Nam: 3. Tên xuất xứ (nếu có):
Địa chỉ nguồn giống	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:.....
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/Fax/E-mail (nếu có)	Thôn (Ấp/bản) xã tỉnh/thành phố:
Thời gian trồng	tháng..... năm.....
Diện tích vườn (m ²)	
Số lượng cây (cây)	
Tổng mức vật liệu nhân giống tối đa cho phép khai thác/năm (loại vật liệu/đơn vị tính/số lượng)	Năm.....: Năm.....: Năm.....:

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN***(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)*

Mẫu số 25

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ**

Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại E-mail
2. Thông tin về giống xuất khẩu:.....

TT	Tên giống	Tên khoa học	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...)	Đơn vị Tính	Số lượng xuất	Nơi nhập
Tổng						

- Lần xuất khẩu: Lần đầu Lần thứ
- Mục đích xuất khẩu:
- Nghiên cứu
- Khảo nghiệm
- Quảng cáo
- Triển lãm
- Trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại
- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập danh sách kèm theo):
.....
- Cửa khẩu xuất:
- Thời hạn xuất khẩu
- Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và giải quyết./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 26

TỜ KHAI KỸ THUẬT

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống:

- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... E-mail:

2. Thông tin về giống

- Tên giống:

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa:

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu:

 Cây trồng lâu năm Cây trồng hàng năm

+ Mô tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì:.....

- Bộ phận sử dụng:

 Thân Lá Rễ Củ Hoa Quả Hạt

- Giá trị sử dụng:

 Làm lương thực, thực phẩm Làm dược liệu Thức ăn chăn nuôi Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến Cải tạo môi trường Các giá trị khác (ghi rõ):

3. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng xuất khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có).

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 28

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu giống:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... E-mail:
- Thông tin về giống nhập khẩu:

TT	Tên giống	Tên khoa học	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...)	Đơn vị tính	Số lượng nhập	Nơi xuất
Tổng						

- Lần nhập khẩu:
 - Lần đầu
 - Lần thứ ...
- Mục đích nhập khẩu:
 - Nghiên cứu
 - Khảo nghiệm
 - Quảng cáo
 - Triển lãm
 - Trao đổi quốc tế
- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập danh sách kèm theo):

.....

- Cửa khẩu nhập:

- Thời hạn nhập khẩu

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan:

- Tờ khai kỹ thuật
- Giấy tờ khác

- Chúng tôi xin cam kết:

+ Giống cây trồng đề nghị nhập khẩu trên không thuộc nhóm cây có chứa chất ma túy; không gây hại cho sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

+ Báo cáo kết quả nhập khẩu và kết quả sử dụng giống về (Tên cơ quan có thẩm quyền).

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và giải quyết./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 29

TỜ KHAI KỸ THUẬT**1. Thông tin về tổ chức, cá nhân**

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại..... E-mail:

2. Thông tin về giống cây trồng

- Tên giống:
 - + Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:
 - + Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):
- Đặc điểm thực vật học chủ yếu:
 - Cây trồng lâu năm Cây trồng hàng năm
 - + Mô tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì:.....
 - Bộ phận sử dụng:
 - Thân Lá Rễ Củ Hoa Quả Hạt
 - Giá trị sử dụng:
 - Làm lương thực, thực phẩm Làm dược liệu
 - Thức ăn chăn nuôi Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
 - Cải tạo môi trường Các giá trị khác (ghi rõ):.....

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng nhập khẩu lần đầu)

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...):
- Thời vụ trồng:
- Mật độ, lượng giống/ha:
- Sâu bệnh hại chính:.....

4. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có).

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

....., ngày....tháng....năm....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 30

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/GIA HẠN
QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN PHÂN BÓN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Căn cước công dân:

Điện thoại: E-mail:

ĐỀ NGHỊ

Cấp

Phân bón được nghiên cứu hoặc tạo ra trong nước;

Phân bón được nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam;

Phân bón đã được công nhận lưu hành đăng ký thay đổi chỉ tiêu chất lượng (trừ độ ẩm, khối lượng riêng hoặc tỷ trọng, pH_{H2O}, tỷ lệ C/N, cỡ hạt) hoặc phương thức sử dụng, hoặc đối tượng cây trồng trong hướng dẫn sử dụng.

Cấp lại

Thay đổi, bổ sung thông tin tổ chức, cá nhân có phân bón đã được công nhận lưu hành; mất, hư hỏng Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam;

Chuyển nhượng tên phân bón;

Thay đổi tên phân bón đã được công nhận lưu hành.

Gia hạn

Tài liệu kèm theo:

1. Danh sách phân bón đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

TT	Tên phân bón	Mã số phân bón ⁽¹⁾	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng	Hướng dẫn sử dụng ⁽²⁾	Hạn sử dụng	Tên nhà sản xuất ⁽³⁾	Địa chỉ sản xuất ⁽⁴⁾	Thông báo tiếp nhận hợp quy/Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước ⁽⁵⁾
1									
2									
...									

2. Báo cáo tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng phân bón (đối với trường hợp gia hạn).

3. Quyết định công nhận là tiến bộ kỹ thuật về sản phẩm phân bón theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ (Số ngày cấp Cơ quan cấp, Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 39 Luật Trồng trọt).

4. Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(2) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn không có sự thay đổi hướng dẫn sử dụng.

(3), (4) Không áp dụng đối với trường hợp cấp lại và gia hạn.

(5) Chỉ áp dụng đối với trường hợp gia hạn.

Mẫu số 31

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC- , ngày tháng năm

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ SỬ DỤNG
PHÂN BÓN

Kính gửi: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/ Căn cước công dân:

Điện thoại: E-mail:

2. Tình hình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón trong thời gian lưu hành

STT	Tên phân bón	Mã số phân bón	Khối lượng (tấn)			Số Thông báo tiếp nhận hợp quy/Số Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước
			Sản xuất phân bón	Xuất khẩu phân bón	Nhập khẩu phân bón	
1						
...						

3. Tình hình sử dụng phân bón trong thời gian lưu hành

3.1. Thực trạng sử dụng

STT	Tên phân bón	Mã số phân bón	Liều lượng và thời kỳ sử dụng	Nội dung khác (nếu có)
1				
...				

3.2. Đánh giá hiệu quả của việc thay đổi về liều lượng và thời kỳ sử dụng

4. Đề nghị (nếu có)

4.1. Đề nghị thay đổi về liều lượng, thời kỳ sử dụng; chỉ tiêu chất lượng về độ ẩm, khối lượng riêng hoặc tỷ trọng, pH_{H2O}, tỷ lệ C/N, cỡ hạt; yếu tố hạn chế về biuret, cadimi, axit tự do và lý do thay đổi.

4.2. Đề nghị khác.

4.3. Tài liệu gửi kèm làm căn cứ, thuyết minh đối với những đề nghị nêu tại mục 4.1 và 4.2.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM CỦA ⁽⁶⁾*(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-.... ngày... tháng... năm...)*

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1							
2							
3							
...							

của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

(2) Số lượng viết bằng số và chữ.

(3) Thông tin về Quyết định công nhận lưu hành đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

(4) Nội dung “Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số..” chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn.

(5) Đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận phân bón.

(6) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký.

Mẫu số 33

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:.....

2. Tên phân bón:

3. Số lượng nhập khẩu:.....

4. Nhà sản xuất, xuất xứ:

5. Mục đích nhập khẩu

Phân bón để khảo nghiệm

Phân bón dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí

Phân bón sử dụng trong dự án nước ngoài tại Việt Nam

Phân bón làm quà tặng, làm hàng mẫu

Phân bón tham gia hội chợ, triển lãm

Phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học

Phân bón làm nguyên liệu sản xuất phân bón khác

6. Thời gian nhập khẩu (dự kiến):

7. Cửa khẩu nhập khẩu (dự kiến):

8. Các tài liệu nộp kèm theo:

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến phân bón nhập khẩu.

Khi cần liên hệ theo địa chỉ:, Điện thoại:, E-mail:

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 34

TỜ KHAI KỸ THUẬT

1. Tên phân bón:.....

Tên khác (nếu có):.....

2. Xuất xứ:.....

3. Loại phân bón:

 Phân bón vô cơ Phân bón hữu cơ Phân bón sinh học

4. Phương thức sử dụng:

 Bón rễ Bón lá

5. Dạng phân bón:

 Dạng rắn Dạng lỏng

6. Bao bì (ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích):

7. Chỉ tiêu chất lượng (theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Hàm lượng
1			
2			
...			

8. Các yếu tố hạn chế trong phân bón (theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật nếu có)

STT	Các yếu tố hạn chế	Đơn vị tính	Hàm lượng
1	Asen		
2	Cadimi		
3	Chi		
4	Thuỷ ngân		
5	Biuret		
6	Axit tự do		
7	Salmonella		
8	E. coli		
9	Các yếu tố khác theo quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật		

9. Hướng dẫn sử dụng ⁽¹⁾:

- Cây trồng sử dụng:.....

- Liều lượng sử dụng/đơn vị diện tích, ghi rõ cho từng loại cây trồng:.....

- Diện tích sử dụng, ghi rõ cho từng loại cây trồng:.....

- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng:.....

10. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khỏe, môi trường:.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu.

....., ngày...tháng...năm.....

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

⁽¹⁾ Chỉ khai trong trường hợp nhập khẩu phân bón quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt

Mẫu số 35

**TÊN CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GPNK-

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

Kính gửi:.....(Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu)

Xét đơn đăng ký nhập khẩu phân bón ngày ... tháng ... năm ... của ...⁽²⁾, địa chỉ..... về việc nhập khẩu phân bón,....⁽¹⁾ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để.....⁽²⁾ được nhập khẩu phân bón sau:

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Chỉ tiêu chất lượng			Khối lượng	Nhà sản xuất, xuất xứ
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng		
1							
2							
.....							
Tổng cộng							

2. Mục đích nhập khẩu:.....

3. Cửa khẩu nhập khẩu:

4. Các loại phân bón có tên trên chỉ được sử dụng đúng mục đích nêu tại mục 2 của giấy phép này.

5.....⁽²⁾ có trách nhiệm báo cáo kết quả nhập khẩu loại phân bón về..... (Tên và địa chỉ cơ quan có thẩm quyền) sau khi nhập khẩu.

6. Thời hạn của Giấy phép là 01 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hải quan cửa khẩu nhập khẩu
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

Mẫu số 36

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
**CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm



GIẤY CHỨNG NHẬN LẤY MẪU PHÂN BÓN
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Chứng nhận:

Ông/Bà:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ:

Đã hoàn thành chương trình tập huấn "*lấy mẫu phân bón*"

Thời gian từ ngày: đến ngày

Tại

Giấy chứng nhận này có giá trị trên toàn quốc và không thời hạn.

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

PHỤ LỤC III**GHI MÃ HIỆU LÔ/ NGUỒN GIỐNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. ĐỐI VỚI NHÓM CÂY HÀNG NĂM

Mã hiệu lô giống gồm 4 thành phần theo trình tự sau: mã tỉnh, mã vụ và năm sản xuất hoặc nhập khẩu, mã cấp giống, mã lô giống.

Cách đặt mã của các thành phần như sau:

1. Mã tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: (theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam, ban hành kèm Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam).

2. Mã cấp giống: giống siêu nguyên chủng là SNC, giống nguyên chủng là NC, giống xác nhận là XN, giống bố của hạt lai là B, giống mẹ của hạt lai là M, hạt lai là F1.

3. Mã vụ và năm sản xuất hoặc năm nhập khẩu:

- Vụ sản xuất: ĐX là vụ Đông Xuân, X là vụ Xuân, M là vụ Mùa, HT là vụ Hè Thu, TĐ là vụ Thu Đông, giống nhập khẩu là NK.

- Năm sản xuất hoặc năm nhập khẩu gồm 2 chữ số cuối cùng của năm.

4. Mã lô giống: gồm 3 chữ số theo số thứ tự của lô ruộng giống được sản xuất hoặc số thứ tự của lô giống nhập khẩu trong năm. Trường hợp lô giống có khối lượng vượt quá quy định thì phải chia thành các lô nhỏ và mỗi lô nhỏ sẽ được đặt thêm một chữ số theo thứ tự: 1, 2, 3 ...

Các thành phần của mã hiệu lô giống được viết liền nhau và giữa các thành phần được cách nhau bằng dấu chấm (.).

Ví dụ 1: Mã hiệu lô giống sản xuất trong nước

Lô giống có mã hiệu là **01.NC.M25.001.1** được sản xuất tại Công ty A được hiểu như sau:

01 là Hà Nội

NC là cấp nguyên chủng

M25 là sản xuất vụ mùa năm 2025

001 là số thứ tự của lô giống được sản xuất tại Công ty A

1 là số thứ tự của lô nhỏ thứ nhất được tách ra từ lô giống **001**

Ví dụ 2: Mã hiệu lô giống nhập khẩu

Lô giống nhập khẩu của Công ty A có mã hiệu là **01.F1.NK25.003.1** được hiểu như sau:

01 là Hà Nội

F1 là cấp giống F1

NK25 là lô giống nhập khẩu năm 2025

003 là số thứ tự lô giống nhập khẩu của Công ty A

1 là số thứ tự của lô nhỏ thứ nhất được tách ra từ lô giống **003**

Cách in mã lô giống trên bao bì như sau:

Mã lô giống được in đầy đủ hoặc viết tắt (MLG)

Ví dụ 3: Cách in mã lô giống

Lô giống có mã lô giống là **001.1** được sản xuất tại Công ty A sẽ được in trên bao bì như sau:

MLG: 001.1

II. ĐỐI VỚI CÂY LÂU NĂM

1. Quy định cách lập mã hiệu nguồn giống

Mã hiệu gồm 4 thành phần, cách nhau bởi dấu chấm (.):

- Đầu tiên là các chữ cái viết tắt của loại hình nguồn giống: C (cây đầu dòng), V (vườn cây đầu dòng).

- Tiếp theo là tên đầy đủ của loài, dòng, giống bằng tiếng Việt (viết chữ in hoa, không dấu).

- Tiếp theo là mã số tỉnh, xã nơi nguồn giống được công nhận (theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam, trong đó mã tỉnh: 02 số, mã xã: 05 số); các mã số này được cách nhau bởi dấu chấm (.).

- 02 số tiếp theo là 2 số cuối thời gian (năm) nguồn giống được công nhận.

- 02 số cuối cùng biểu thị số thứ tự của nguồn giống được công nhận.

2. Ví dụ

Cây vải trứng Hưng Yên đầu dòng tại phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên là nguồn giống thứ 8 trên địa bàn, được Sở Nông nghiệp và Môi trường công nhận năm 2025, sẽ được cấp mã hiệu như sau:

C.VAITRUNG.33.11953.25.08